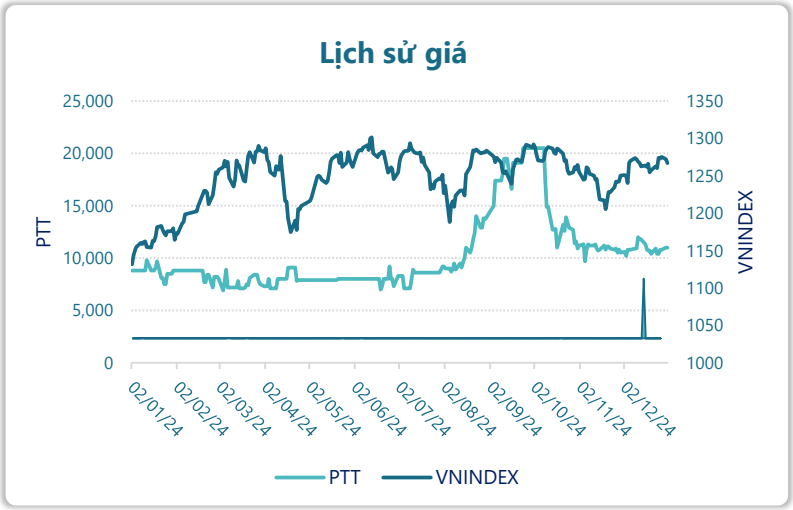
FireAnt

CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương (UPCOM: PTT)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,900
SL cổ phiếu LH	16,493,172
KLGD BQ 20 phiên (CP)	797
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	181
P/E	7.4
EPS	1,483

DT thuần

Q4/24

52.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.8| -33.9%

LN sau thuế

Q4/24

6.68

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.59| -8.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

12.5%

+/- YoY: ▲ 4.1%

DT thuần

2024

288

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.0| 11.2%

LN sau thuế

2024

24.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.8| 128%

ROE

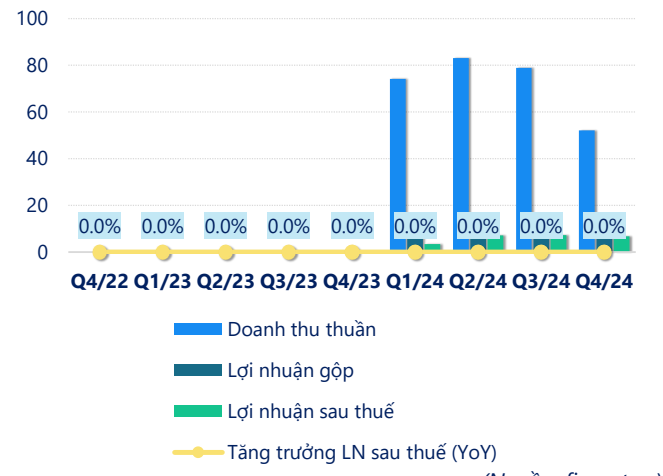
2024

14.0%

+/- YoY: ▲ 5.5%

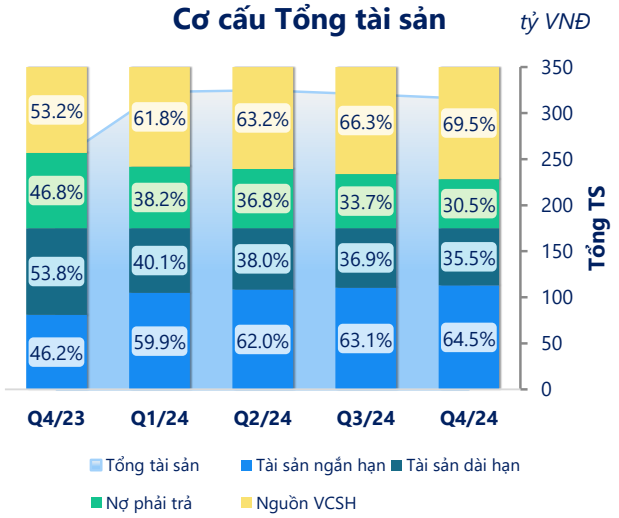
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



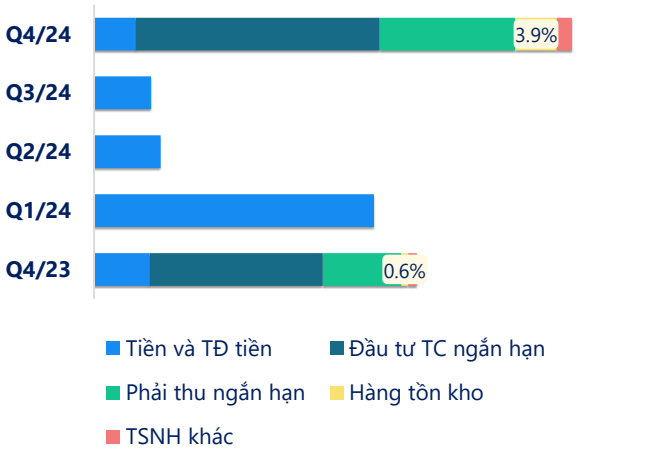
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



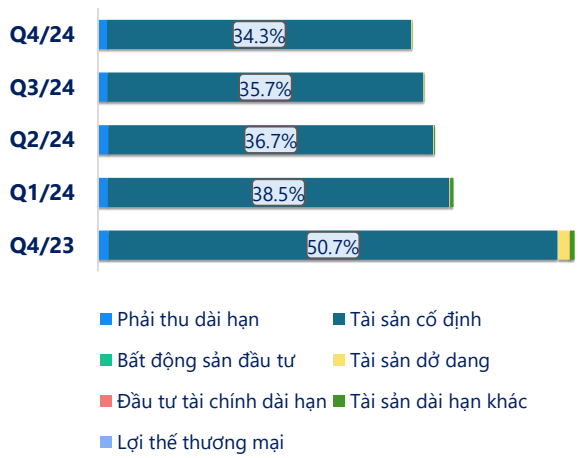
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



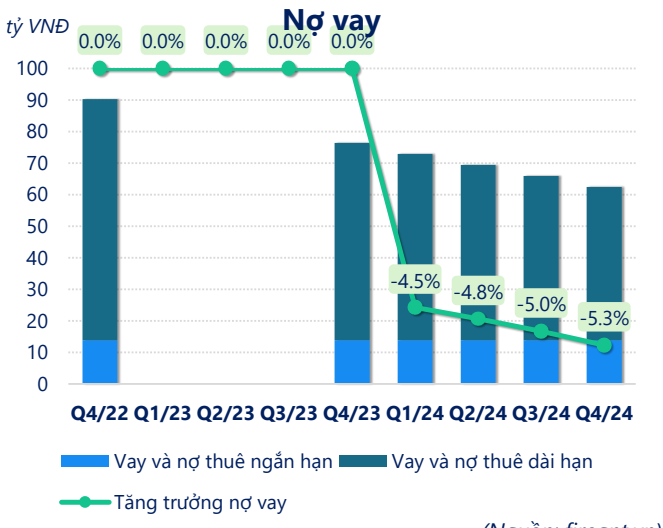
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



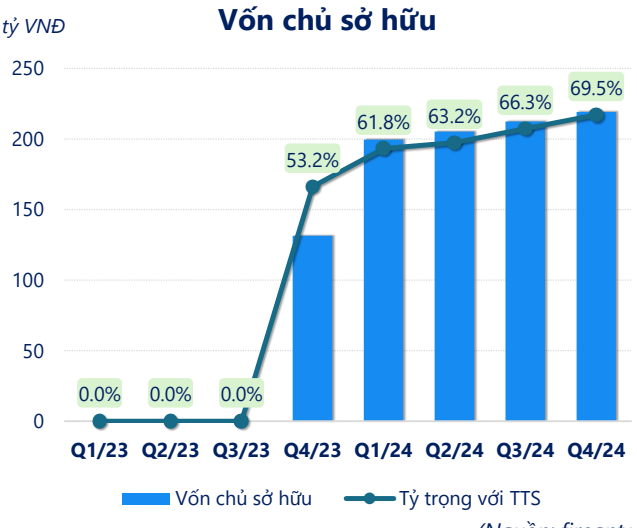
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



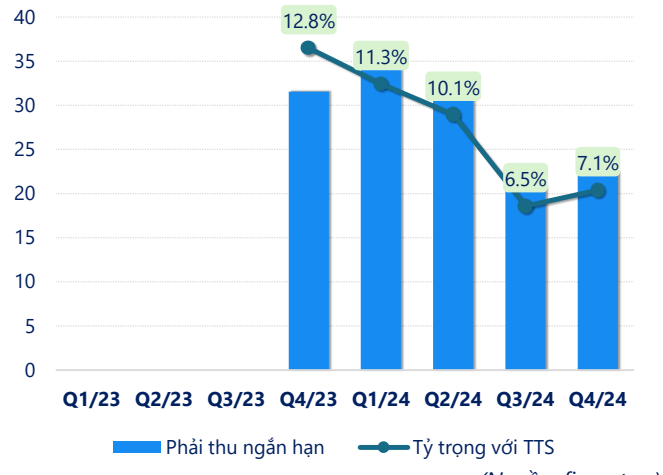
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



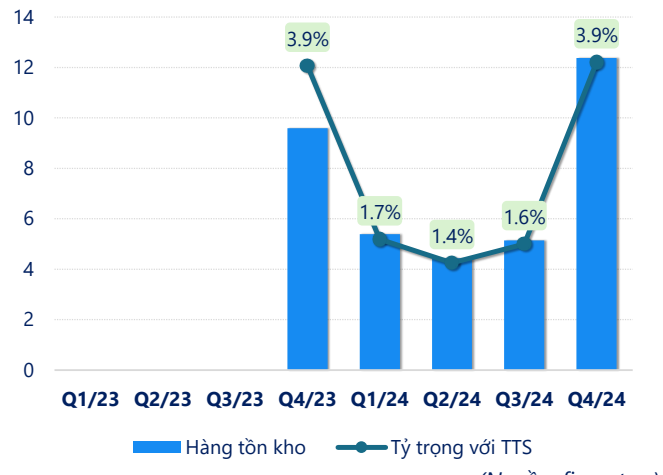
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



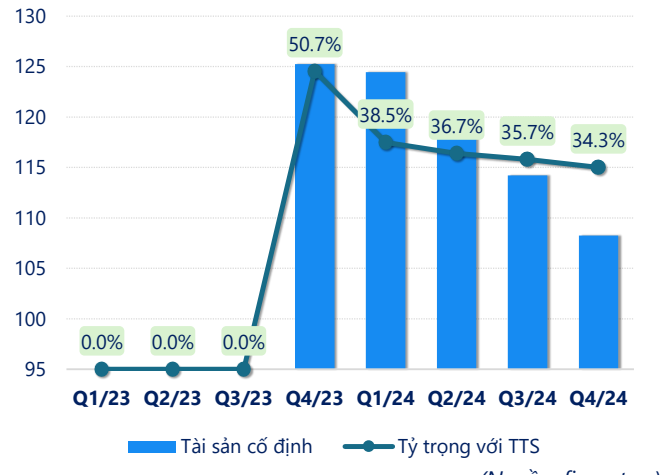
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



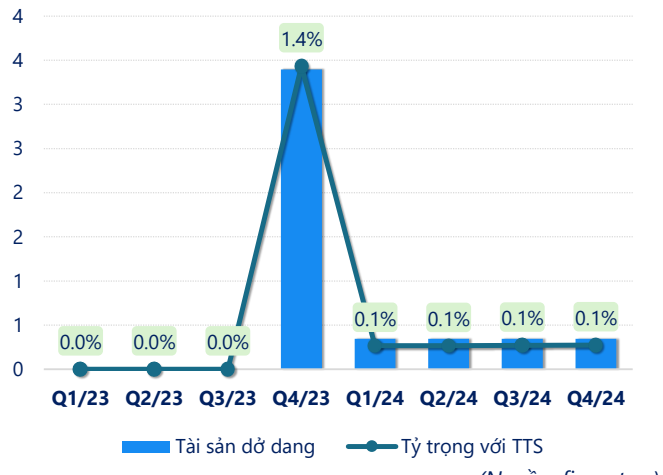
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



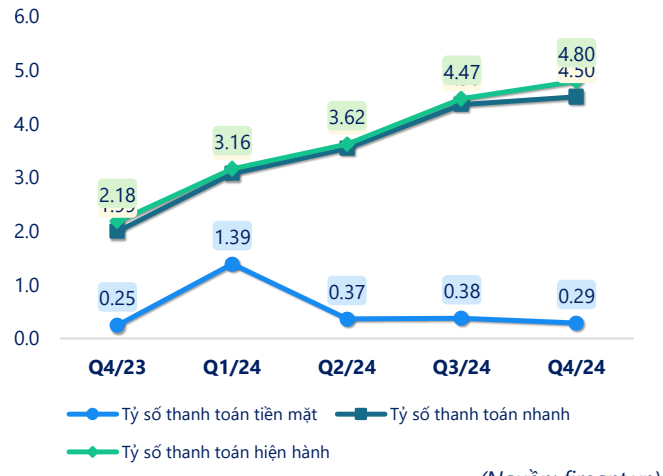
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



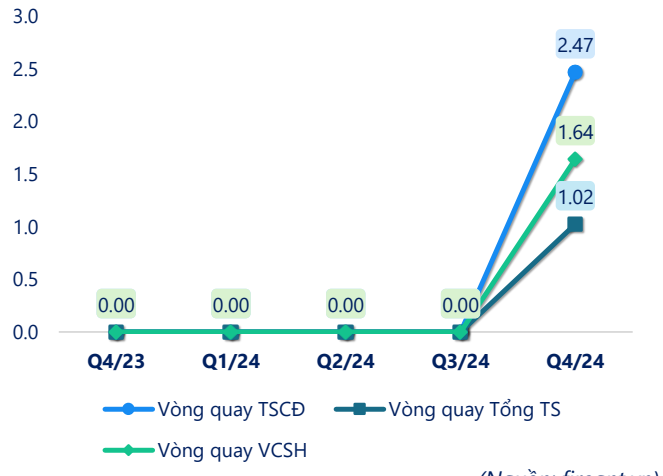
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**247**	**323**	**325**	**320**	**315**
Tài sản ngắn hạn	**114**	**193**	**201**	**202**	**204**
Tiền và tương đương tiền	12.9	85.0	20.3	17.2	12.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.7	60.4	139	154	152
Phải thu ngắn hạn	31.6	36.6	32.9	20.8	22.5
Hàng tồn kho	9.59	5.39	4.44	5.15	12.4
Tài sản ngắn hạn khác	3.54	5.89	4.38	4.68	4.32
Tài sản dài hạn	**133**	**130**	**123**	**118**	**112**
Phải thu dài hạn	2.94	3.54	3.79	3.40	3.27
Tài sản cố định	125	124	119	114	108
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.40	0.35	0.35	0.35	0.35
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.31	1.18	0.25	0.09	0.02
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**116**	**123**	**120**	**108**	**96.3**
Nợ ngắn hạn	**52.5**	**61.2**	**55.6**	**45.2**	**42.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.9	13.9	13.9	13.9	13.9
Phải trả người bán ngắn hạn	17.2	18.5	15.7	11.8	17.0
Nợ dài hạn	63.1	62.0	64.0	62.5	53.8
Vay và nợ thuê dài hạn	62.5	59.0	55.5	52.1	48.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	**132**	**200**	**205**	**212**	**219**
Vốn chủ sở hữu	**132**	**200**	**205**	**212**	**219**
Vốn điều lệ	100	165	165	165	165
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)